

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2017

V/v tranh chấp về hôn nhân

và gia đình – Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bảo Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải
2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2017/TLST - HNGN, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình-Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kiều T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Đường T, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T và anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Bùi Thị Kiều T trình bày:

Chị T và anh H kết hôn năm 2007, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố thành phố Cao Lãnh cấp vào ngày 27/3/2008.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình có động viên hàn gắn lại với nhau, nhưng đến nay vợ chồng không hàn gắn mà ngược lại anh H thường xuyên tụ tập đi chơi với bạn bè không quan tâm đến vợ con.

Anh H thường xuyên bỏ nhà đi 2-3 ngày liên tục không về mà chị T không biết đi đâu. Vợ chồng xa nhau từ tháng 8/2017 đến nay, hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay chị Bùi Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Ngọc Nhã V, sinh ngày 29/7/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 05/11/2009. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Lê Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn năm 2007, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố thành phố Cao Lãnh cấp vào ngày 27/3/2008.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng anh H thừa nhận có gây nợ ở bên ngoài, chị T đã thanh toán xong và không còn nợ ai, việc anh H đi 2-3 ngày là về nhà mẹ ruột và anh có báo cho chị T biết. Nay anh H cho rằng còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn với chị T. Vợ chồng xa nhau từ tháng 8/2017 đến nay, hai bên có tìm cách hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Anh H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Lê Ngọc Nhã V, sinh ngày 29/7/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 05/11/2009.

Hiện hai con chung đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, anh H không đồng ý. Trường hợp ly hôn anh H yêu cầu được nuôi hai con chung. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Kiều T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn và nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kiều T và anh Lê Ngọc H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp.

Chị Bùi Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc H, anh Lê Ngọc H không đồng ý ly hôn với chị T. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống xa nhau từ tháng 8/2017 đến nay có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Chị Bùi Thị Kiều T và anh Lê Ngọc H đã sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân giữa chị Bùi Thị Kiều T và anh Lê Ngọc H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì quan hệ hôn nhân. Việc anh H cho rằng còn tình cảm với chị T nhưng anh H không có biện pháp nào để hàn gắn lại với chị T.

Cho nên chị Bùi Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc H là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận. Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị Kiều T và anh Lê Ngọc H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Ngọc Nhã V, sinh ngày 29/7/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 05/11/2009.

Hiện hai con chung đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, anh H không đồng ý, Trường hợp ly hôn anh H yêu cầu được nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung đang sống với chị T, chị T đang cho con đi học, tâm sinh lý ổn định ngoài ra theo nguyện vọng của hai bé là sống với chị T nghĩ nên chấp nhận chị T được trực tiếp nuôi 02 con chung Lê Ngọc Nhã V, sinh ngày 29/7/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 05/11/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.....”

Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi làm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.”

Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Như vậy, hai bên có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Không có

[7] Về nợ chung: Không có

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng chị Bùi Thị Kiều T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Kiều T đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00310 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu chị Bùi Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc H.

Về con chung: Chị Bùi Thị Kiều T được trực tiếp nuôi 02 con chung Lê Ngọc Nhã V, sinh ngày 29/7/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 05/11/2009.

Hai bên có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Bùi Thị Kiều T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Chị Bùi Thị Kiều T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Kiều T đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00310 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Chị Bùi Thị Kiều T và anh Lê Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cao Lãnh;
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bảo Giang

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Để thi hành

Thành phố Cao Lãnh ngày 03 tháng 10 năm 2017
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

Huỳnh Bảo Giang